

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN KHÁC  
NĂM 2020

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai |                 |                 | Mục đích sử dụng             |                        |                           |            |          |          |                                 |            |  |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------|----------|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------|---------------------------------|------------|--|
|     |                                                               |         |          | Nguyên giá                                      |                 | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Cho thuê | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn |            |  |
|     |                                                               |         |          | Tổng cộng                                       | Trong đó        |                 |                              |                        |                           |            |          |          |                                 |            |  |
|     |                                                               |         |          |                                                 | Nguồn ngân sách |                 |                              |                        |                           |            |          |          |                                 | Nguồn khác |  |
| 1   | 2                                                             |         | 3        | 3                                               | 4               |                 | 8                            |                        |                           |            |          |          |                                 |            |  |
| 1   | Xe ô tô                                                       |         |          | 1.484.395.500                                   | 1.484.395.500   |                 | 412.717.800                  |                        |                           |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Xe ô tô Camry 19A 058.88                                      | VP sở   |          |                                                 | 720.000.000     |                 | 412.717.800                  |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Xe ô tô Corola Altis 19C-0179                                 | VP sở   |          |                                                 | 523.542.500     |                 | 0                            |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Xe ô tô Dewoo 19C-0044                                        | VP sở   |          |                                                 | 240.853.000     |                 | 0                            |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
| 2   | -Máy móc, thiết bị văn phòng                                  |         |          | 1.941.498.500                                   | 1.941.498.500   |                 | 676.496.362                  |                        |                           |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Máy vi tính                                                   | VP sở   | 1        |                                                 | 14.200.000      |                 | 11.360.000                   |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 1        |                                                 | 10.542.000      |                 |                              |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy tính HP2011                                            | VP sở   | 1        |                                                 | 14.090.000      |                 | 1.127.500                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 2        |                                                 | 22.490.000      |                 | 1.799.200                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy tính Đông Nam Á                                        | VP sở   | 1        |                                                 | 10.450.000      |                 | 836.000                      |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 1        |                                                 | 13.500.000      |                 | 1.080.000                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 2        |                                                 | 18.400.000      |                 | 1.472.000                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 1        |                                                 | 11.600.000      |                 | 928.000                      |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính + máy in                                       | VP sở   | 1        |                                                 | 12.920.000      |                 | 1.033.600                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính + máy in                                       | VP sở   | 1        |                                                 | 13.680.000      |                 | 1.094.400                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 1        |                                                 | 12.930.000      |                 | 1.551.600                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính + máy in                                       | VP sở   | 1        |                                                 | 27.550.000      |                 | 3.306.000                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính (P.PGD Tầng 4)                                 | VP sở   |          |                                                 | 8.600.000       |                 | 1.376.000                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |
|     | Bộ máy vi tính                                                | VP sở   | 1        |                                                 | 10.150.000      |                 | 1.624.000                    |                        | X                         |            |          |          |                                 |            |  |





|                                    |       |   |             |            |   |  |  |  |  |  |  |
|------------------------------------|-------|---|-------------|------------|---|--|--|--|--|--|--|
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 8.900.000   | 1.424.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 8.900.000   | 1.424.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 8.900.000   | 1.424.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính (BP.KHTC)           | VP sở | 1 | 8.900.000   | 1.424.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 6.600.000   | 1.056.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính (P/V Đại hội Đảng)  | VP sở | 1 | 23.250.000  | 4.650.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 13.500.000  | 2.700.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 13.400.000  | 2.680.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính để bàn              | VP sở | 1 | 10.000.000  | 4.000.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính để bàn (PGĐ tầng 2) | VP sở | 1 | 12.980.000  | 5.192.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 8.900.000   | 3.560.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 8 | 106.380.000 | 63.828.000 | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 3 | 31.980.000  | 25.584.000 | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy vi tính + máy in 2 mặt         | VP sở | 1 | 13.100.000  | 2.620.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 11.700.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy vi tính                     | VP sở | 1 | 26.590.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy vi tính xách tay Sony Vio      | VP sở | 1 | 22.400.000  | 2.688.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy In                             | VP sở | 1 | 5.800.000   | 4.640.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy in canon                       | VP sở | 1 | 8.950.000   | 1.432.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy in (PGĐ tầng 2)                | VP sở | 1 | 6.930.000   | 2.772.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy in + loa                       | VP sở | 1 | 28.210.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| máy chiếu Hitachi CP EX252         | VP sở | 1 | 16.200.000  | 6.480.000  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy phô tô RICOH 4422              | VP sở | 1 | 29.820.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy phô tô 4621TQ                  | VP sở | 1 | 31.500.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy phô tô Toshiba E-Studio        | VP sở | 1 | 38.245.000  | 7.457.775  | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy phô tô copy Fuji               | VP sở | 1 | 55.300.000  | 41.475.000 | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy photocopy Toshiba kỹ thuật số  | VP sở | 1 | 29.800.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy phô tô Toshiba                 | VP sở | 1 | 10.000.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Máy photocopy SHA SF1020           | VP sở | 1 | 37.930.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Tivi LF35 inch                     | VP sở | 1 | 32.500.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |
| Tivi Sony 40 inch                  | VP sở | 1 | 23.890.000  |            | X |  |  |  |  |  |  |





|                                             |       |     |             |             |   |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---------------------------------------------|-------|-----|-------------|-------------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Bàn làm việc B30                            | VP sở | 1   | 8.500.000   | 1.360.000   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tăng âm K162F                               | VP sở | 1   | 12.000.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy bộ đàm                                  | VP sở | 1   | 45.000.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bộ trộn Mixer Yamaha + Cục<br>đẩy công suất | VP sở | 1   | 17.292.000  | 6.916.800   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Công suất Sprit                             | VP sở | 1   | 23.760.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mic không dây Shure PGX24/58                | VP sở | 3   | 50.880.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Âm ly kèm mic 8820                          | VP sở | 3   | 22.950.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy quay Sony Kỹ thuật số                   | VP sở | 1   | 30.840.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy quay kỹ thuật số                        | VP sở | 1   | 35.120.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy ảnh kỹ thuật số                         | VP sở | 1   | 23.700.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đầu DVD Sony                                | VP sở | 1   | 20.000.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy ảnh Cano                                | VP sở | 1   | 25.500.000  | 3.060.000   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy ảnh Canon EOS 1300D Kit<br>18-55        | VP sở | 1   | 17.500.000  | 7.000.000   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều hòa cục LG                             | VP sở | 1   | 29.400.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều hòa 2 cục LG                           | VP sở | 1   | 14.700.000  |             | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều Hòa âm trần (phòng hội<br>trường)      | VP sở | 1   | 99.990.000  | 99.990.000  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy Điều hòa Daikin (P.KHTC)                | VP sở | 1   | 10.175.000  | 2.391.125   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy điều hòa Daikin (P.PGD<br>Tầng 2)       | VP sở | 1   | 22.200.000  | 6.105.000   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bộ máy điều hòa                             | VP sở | 6   | 84.150.000  | 23.141.250  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy điều hòa Daikin FTKC 35                 | VP sở | 1   | 11.760.000  | 7.350.000   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy điều hòa Funiki 9000BTU                 | VP sở | 8   | 61.972.500  | 38.732.812  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Máy điều hòa Elextrolux(Hội<br>trường)      | VP sở | 1   | 34.890.000  | 26.167.450  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điều hòa cây Nagakawa                       | VP sở | 2   | 55.900.000  | 48.912.500  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ghế da TQ09                                 | VP sở | 1   | 4.500.000   | 1.057.500   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Salon Gỗ tiếp khách                         | VP sở | 1   | 10.500.000  | 2.467.500   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bàn họp H5                                  | VP sở | 1   | 6.900.000   | 1.621.500   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ghế gỗ hội trường                           | VP sở | 100 | 150.000.000 | 131.250.000 | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ghế họp H5                                  | VP sở |     | 8.100.000   | 1.903.500   | X |  |  |  |  |  |  |  |  |





|   |                                    |       |   |             |                      |  |                      |  |   |  |  |  |  |  |
|---|------------------------------------|-------|---|-------------|----------------------|--|----------------------|--|---|--|--|--|--|--|
|   | Tủ sắt Xuân Hòa                    | VP sở | 1 |             | 8.295.000            |  | 2.281.125            |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Tủ đứng 3 buồng gỗ gụ khám trai    | VP sở | 1 |             | 10.000.000           |  |                      |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Tủ hồ sơ 5 cánh T05                | VP sở | 1 |             | 9.000.000            |  | 2.115.000            |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Máy Scan HP5590                    | VP sở | 1 |             | 11.100.000           |  | 1.720.500            |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Máy Scan HP5590                    | VP sở | 1 |             | 11.350.000           |  | 2.667.250            |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Trạm biến áp điện                  | VP sở | 1 |             | 61.017.000           |  | 41.186.475           |  | X |  |  |  |  |  |
| 3 | -Thiết bị truyền dẫn               |       |   | 402.405.000 | 402.405.000          |  | 292.362.000          |  |   |  |  |  |  |  |
|   | Hệ thống chiếu sáng cơ quan        | VP sở | 1 |             | 219.000.000          |  | 219.000.000          |  | X |  |  |  |  |  |
|   | Hệ thống chiếu sáng trụ sở cơ quan | VP sở | 1 |             | 183.405.000          |  | 73.362.000           |  | X |  |  |  |  |  |
| 4 | -Tài sản cố định hữu hình khác     |       |   |             |                      |  |                      |  |   |  |  |  |  |  |
|   | <b>Cộng</b>                        |       |   |             | <b>3.828.299.000</b> |  | <b>1.381.576.162</b> |  |   |  |  |  |  |  |

Phủ Thọ, Ngày Tháng 01 Năm 2021

GIÁM ĐỐC *je*



*Nguyễn Đức Thủy*  
Nguyễn Đức Thủy



DATE: 15/06/2021

07/06/2021

| CITY  | NAME OF THE INSTITUTION | ADDRESS | CONTACT NO. | FACILITY | EQUIPMENT | REMARKS |
|-------|-------------------------|---------|-------------|----------|-----------|---------|
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |
| Dhaka | Dhaka General Hospital  | Dhaka   | 1710-1711   | X        | 10000000  |         |